TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI -TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Cương, bà Bùi Thị Phượng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Giang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: *Không tham gia phiên tòa.*

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 248/2023/TLST-HNGĐ ngày 30-6-2023 về: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28-7-2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 11, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Địa chỉ liên hệ: Tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Anh Trần Việt D, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 11, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Chị H và anh D đều vắng mặt tại phiên tòa, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 30-6-2023, nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Trần Việt D đăng ký kết hôn ngày 20-12-2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được

tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Hai vợ chồng đã tự tìm cách hòa giải nhưng không cải thiện được. Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh D có hai con chung là cháu Trần Ngọc M A, sinh ngày 11-8-2009 và cháu Trần Khánh D1, sinh ngày 16-11-2014. Chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M A và giao cháu D1 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung: Hiện nay chị đang là giáo viên mầm non, thu nhập là 10.000.000 đồng/tháng.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12-7-2023, bị đơn anh Trần Việt D trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị Thu H đăng ký kết hôn ngày 20-12-2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 7-2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn một phần là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, một phần là những bất ổn về kinh tế từ phía vợ anh mà không thể cứu vãn được. Anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung vô cùng mệt mỏi. Mặc dù đã được hai bên gia đình tích cực động viên, khuyên nhủ, anh chị cũng tìm mọi cách để khắc phục khó khăn, hóa giải mâu thuẫn nhưng tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn được. Anh và chị H đã sống ly thân từ đầu tháng 7-2023, không ai còn quan tâm đến ai. Chị H đã về sống tại nhà bố đẻ ở tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái, không thường xuyên về nhà.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Trần Ngọc M A, sinh ngày 11-8-2009 và cháu Trần Khánh D1, sinh ngày 16-11-2014. Anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D1 và giao cháu M A cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con: Hiện nay, anh đang là giáo viên, mức thu nhập bình quân là 9.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không thể hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; bị đơn anh Trần Việt D có nơi cư trú tại tổ 11, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thu H và anh Trần Việt D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái ngày 20-12-2008 là hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh D đều thừa nhận mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra, theo anh D, nguyên nhân còn do những khó khăn về kinh tế do chị H mang đến mà không thể cứu vãn được. Quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, thể hiện chị H không có thiện trí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị H và anh D đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và yêu cầu được giải quyết ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là cháu Trần Ngọc M A, sinh ngày 11-8-2009 và cháu Trần Khánh D1, sinh ngày 16-11-2014. Chị H và anh D đều đề nghị giao cháu Trần Ngọc M A cho chị H; giao cháu Trần Khánh D1 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét đề nghị của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu M A và cháu D1, cần chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Đỗ Thị Thu H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thu H được ly hôn anh Trần Việt D.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Ngọc M A, sinh ngày 11-8-2009; Giao cho anh Trần Việt D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Khánh D1, sinh ngày 16-11-2014 cho đến khi cháu M A và cháu D1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Chị H và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2022/0001562 ngày 30-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị Đỗ Thị Thu H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Thu H và anh Trần Việt D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Yên Bái ;
- VKSND TP.Yên Bái;
- THADS TP. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Kim Anh